

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH CỦA SINH VIÊN CAO ĐẲNG DU LỊCH THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC NHẪM ĐÁP ỨNG CHUẨN QUỐC GIA VÀ KHU VỰC ASEAN

Hoàng Văn Thái^{*}

Đánh giá kết quả học tập trong dạy học ngoại ngữ chuyên ngành du lịch một cách khoa học, chính xác và gắn với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp sẽ tạo ra động lực thúc đẩy người học vươn lên trong quá trình học tập ngoại ngữ ở các trường cao đẳng du lịch. Trong bài viết, tác giả trao đổi một số vấn đề cơ bản về phương thức đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ chuyên ngành của sinh viên cao đẳng du lịch theo tiếp cận năng lực và đề xuất kiến giải triển khai phương thức đánh giá mới này để các trường cao đẳng du lịch tham khảo trong tiến trình nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo theo hướng giúp sinh viên đáp ứng được các chuẩn quốc gia và khu vực ASEAN.

Từ khóa: Đánh giá, kết quả học tập, ngoại ngữ chuyên ngành, du lịch, năng lực.

Sound and adequate learning outcome assessment (LOA) in teaching and learning foreign languages for tourism's purposes would generate motivation for students at tourism colleges in learning foreign languages. The article discusses fundamental issues of assessing tourism college students' foreign language learning outcome with the competency-based approach. It also provides practical suggestions of the implementation of such new assessment method, and regarded as a useful reference source for tourism colleges in their continuous improvements of training quality and effectiveness, towards helping their graduates meet both Vietnam and ASEAN standards.

Keywords: Assessment, learning outcome, foreign languages for specific purposes (FLSP), tourism, competency.

1. Đặt vấn đề

Nghị Quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp, thi kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đảm bảo trung thực, khách quan” và “việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục và

đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học”[3]. Nhận thức tầm quan trọng của việc đổi mới đánh giá (ĐG) tạo sự chuyển biến cơ bản về tổ chức hoạt động dạy học trong các trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo

^{*} ThS., Khoa Ngoại ngữ Du lịch, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội

dục và đào tạo hiện nay, ngành giáo dục Việt Nam đang có những đổi mới tương đối mạnh mẽ và toàn diện từ mục tiêu đến nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình, quản lý ĐG...

ĐG kết quả học tập (KQHT) là một trong những bộ phận chủ yếu, quan trọng và hợp thành một chỉnh thể thống nhất trong cấu trúc của quá trình dạy học (QTDH) ngoại ngữ chuyên ngành (NNCN). Đổi mới ĐG KQHT trong dạy học NNCN là liệu pháp quan trọng để các trường thực hiện tốt nhiệm vụ “*dạy ngoại ngữ theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng ngoại ngữ của người học*” [3]. Hiện nay, hoạt động ĐG KQHT trong quá trình dạy học NNCN cho sinh viên (SV) cao đẳng du lịch (CDDL) cũng cần hướng tới hỗ trợ phát triển các năng lực (NL) chuyên môn du lịch tương ứng với vị trí việc làm của SV trong tương lai, các NL chung cốt lõi mà mỗi cá nhân hoạt động trong môi trường xã hội hiện nay cần hội tụ và những phẩm chất cần có của con người Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập ASEAN nhiều thách thức, biến động.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Sinh viên cao đẳng du lịch

Theo chúng tôi, SV cao đẳng du lịch (CDDL) là thuật ngữ dùng để chỉ những người đang theo học các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề nghiệp về du lịch (chủ yếu tại các trường CDDL) để trở thành nhân lực du lịch có năng lực thực hiện các công việc của trình độ trung cấp. Nghĩa là, SV cao đẳng khi tốt nghiệp

các trường đào tạo du lịch phải có khả năng giải quyết các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành/ngành, khả năng sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn, giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc trong nghề du lịch các em đang theo học và có năng lực sử dụng NNCN du lịch tối thiểu tương đương Bậc 3 (trình độ trung cấp) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT – trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu.

2.1.2. Năng lực và năng lực ngoại ngữ chuyên ngành du lịch

1) *Năng lực (competency)*: Hiện nay, có nhiều cách luận giải khái niệm NL của người học. NL không chỉ bao hàm việc sử dụng các kiến thức và kỹ năng hiện có của bản thân mà bao gồm khả năng đáp ứng được những yêu cầu luôn thay đổi trong cuộc sống thông qua việc huy động được các nguồn lực thích hợp nhất trong từng hoàn cảnh cụ thể để giải quyết thành công các vấn đề nảy sinh. Trong nghiên cứu ĐG này, NL của sinh viên CDDL được hiểu là tổ hợp đo lường được của kiến thức, kỹ năng và thái độ mà mỗi SV cần vận dụng để thực hiện thành công một nhiệm vụ (task) trong một bối cảnh thực tế của cuộc sống/ học tập/ nghề nghiệp và có nhiều biến động của cuộc sống xã hội/ học tập/ của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch và liên quan. Công tác giáo dục và đào tạo trong cơ sở đào tạo về du lịch cần hình thành và phát triển cho SV hai nhóm NL chủ yếu là: nhóm NL chung (core/general competencies) và nhóm NL chuyên biệt (specific competencies) của

nghề du lịch. *Năng lực chung/cốt lõi* là những năng lực cơ bản, cốt lõi làm nền tảng cho mọi hoạt động của con người trong cuộc sống, học tập và nghề nghiệp (ví dụ, NL giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ, NL tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mỹ, NL hợp tác, NL sử dụng CNTT-TT, NL tính toán, NL thể chất...) [1, 5, 9]. *NL chuyên biệt* là NL riêng được hình thành và phát triển ở một lĩnh vực hoặc là năng lực môn học cụ thể (ví dụ, NL nghề lễ tân, NL làm toán, NL viết thư giao dịch trong khách sạn,...) [1, 13, 16, 18]. NLNNCN du lịch thuộc nhóm NL chuyên biệt và NL cốt lõi xét trên phương diện cấu trúc.

2) *NLNNCN du lịch*: Thuật ngữ “ngoại ngữ chuyên ngành du lịch” và “ngoại ngữ du lịch” được tác giả sử dụng trong bài viết này với cùng một nghĩa là *tiếp cận dạy học ngoại ngữ dựa trên phân tích nhu cầu hoặc tình huống sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực du lịch*. Theo tác giả, *NLNNCN du lịch* là sự tương tác giữa NL ngôn ngữ và NL chuyên môn thông qua NL chiến lược được thể hiện qua hoạt động thực tiễn nghề nghiệp trong một bối cảnh nhất định, phù hợp với kinh nghiệm của mỗi cá nhân tham gia hoạt động đó thuộc lĩnh vực du lịch. Cấu trúc NLNNCN của sinh viên CĐDL cần bao gồm [1, 2, 6, 7, 8, 13]: (1) NL ngôn ngữ (NL ngữ pháp, NL ngôn bản, NL hành ngôn, NL ngôn ngữ xã hội), (2) NL chiến lược (đánh giá, xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện) và (3) NL chuyên môn (kiến thức về ngành du lịch và kiến thức chuyên môn nghề, kỹ năng chuyên môn nghề) được đặt trong hoạt

động và kinh nghiệm của mỗi cá nhân thuộc lĩnh vực du lịch.

2.1.3. *Đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ chuyên ngành du lịch*

Đánh giá (Assessment) là quá trình thu thập thông tin về đối tượng được ĐG theo những quy trình mang tính hệ thống và dựa trên những cơ sở lý thuyết nhất định [2]. Trong dạy và học NNCN du lịch, KQHT là mức độ năng lực NNCN du lịch mà người học đạt được sau một giai đoạn học tập dựa trên việc so sánh với mục tiêu đã đề ra/chuẩn đầu ra của mỗi chương trình đào tạo NNCN du lịch cụ thể. Với mục tiêu đào tạo NNCN du lịch được xác định trên cơ sở phân tích nhu cầu của người học hoặc tình huống sử dụng ngôn ngữ trong thực tiễn chuyên môn/ nghề thì kết quả học tập đồng nghĩa với mục tiêu đào tạo theo chuẩn thực hiện/chuẩn đầu ra - là những yêu cầu tối thiểu mà SV phải đạt được sau một thời gian học tập. Chính vì vậy, *mục tiêu học tập ngoại ngữ, kết quả học tập ngoại ngữ, chuẩn đầu ra NL ngoại ngữ du lịch có sự tương đồng là NL sử dụng ngoại ngữ trong bối cảnh chuyên ngành của SV*. Vì vậy, có thể quan niệm, ĐGKQHT ngoại ngữ chuyên ngành du lịch (ngoại ngữ du lịch) là quá trình thu thập và xử lý thông tin, một cách hệ thống, dựa trên cơ sở lý thuyết nhất định, về mức độ NL ngoại ngữ du lịch của người học đã đạt được so với mục tiêu (hay chuẩn đầu ra) của chương trình giáo dục và cung cấp thông tin phản hồi kịp thời cho nhà trường, giáo viên (GV), bản thân người học/SV để đưa ra những quyết định phù hợp nhằm nâng cao chất lượng học tập ngoại ngữ du lịch.

2.2. Một số vấn đề chung về đánh giá theo năng lực trong dạy học ngoại ngữ du lịch

ĐG theo tiếp cận năng lực (TCNL) - còn có những tên gọi khác như: ĐG theo định hướng phát triển năng lực hoặc ĐG xác thực hoặc ĐG hiện đại - trong dạy học NNCN du lịch là việc áp dụng những nguyên lý của giáo dục theo định hướng năng lực trong quá trình dạy học NNCN du lịch. Hướng tiếp cận này, thực chất đã xuất hiện từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX với vai trò là cơ sở cho việc thiết kế các chương trình giáo dục ngoại ngữ gắn với việc làm cho đối tượng người học lớn tuổi. Quá trình phát triển của các phương pháp ĐG ngoại ngữ luôn gắn liền với quá trình phát triển của các phương pháp dạy học ngoại ngữ. Ở đây, phương pháp được hiểu là cách thức dạy học, ĐG ngoại ngữ dựa trên cơ sở của một lý thuyết ngôn ngữ hoặc lý thuyết học tập ngôn ngữ hoặc kết hợp cả hai lý thuyết ngôn ngữ và học tập ngôn ngữ.

ĐG KQHT ngoại ngữ du lịch theo TCNL dựa trên *lý thuyết ngôn ngữ chức năng và tương tác giao tiếp* kết hợp với *lý thuyết học tập dựa trên trải nghiệm và kỹ năng* [2, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 14, 16, 17].

Xét trên phương diện lý thuyết ngôn ngữ, ĐG KQHT ngoại ngữ du lịch theo TCNL dựa trên lý luận về dạy học ngoại ngữ nhằm thực hiện chức năng và giao tiếp tương tác. Quan điểm này tập trung vào việc dạy học ngoại ngữ trong bối cảnh xã hội (bao gồm cả nghề nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch) mang những đặc trưng cơ bản như: ngoại ngữ là phương tiện để tương

tác và giao tiếp giữa mọi người với nhau nhằm đạt được những mục đích và mục tiêu cụ thể; cấu trúc ngôn ngữ được xác định từ chức năng ngôn ngữ và ngôn ngữ được giảng dạy có thể được phân chia thành các chức năng nhỏ hơn trong quá trình triển khai dạy học.

Xét trên phương diện lý thuyết học tập, ĐG KQHT ngoại ngữ du lịch theo TCNL áp dụng quan điểm học ngoại ngữ qua trải nghiệm và dựa trên kỹ năng. *Lý thuyết học tập trải nghiệm/kinh nghiệm (Experiential learning)* là thuật ngữ dùng cho các cách tiếp cận dạy học “sâu” dựa vào kinh nghiệm trực tiếp của người học trong quá trình học tập áp dụng những gì mình biết vào giải quyết vấn đề thực tế từ đó giúp họ có được kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất mới. Đây được coi là mô hình hiệu quả đối với người học ở mọi lứa tuổi. Theo Kolb D.A (1984), lý thuyết học tập trải nghiệm định nghĩa: “học tập là một quá trình, trong đó kiến thức được tạo ra thông qua việc chuyển đổi kinh nghiệm. Kiến thức là kết quả của sự nắm bắt và chuyển đổi của kinh nghiệm”. Chu trình học tập trải nghiệm được chia thành 4 nhóm cơ bản phù hợp với xu hướng học tập: (1) Quan sát suy ngẫm (Reflective Observation – RO), (2) Khái niệm hóa (Abstract Conceptualization – AC), (3) Trải nghiệm thực tế (Active Experimentation – AE) và (4) Thử nghiệm thực tế (Concrete Experience – CE). Quá trình học tập này có thể đơn giản hóa thành chu trình: Trải nghiệm (Experiencing) – Phản ánh (Reflecting) – Suy nghĩ (Thinking) – Hành động (Acting). Theo lý giải của Thornburry

(2006), trong dạy học ngoại ngữ, học tập trải nghiệm thường triển khai áp dụng ở các hình thức dạy học khác nhau: học tập dựa trên nhiệm vụ, học tập khám phá, học tập dựa trên nội dung chuyên ngành/tích hợp chuyên ngành và ngôn ngữ và thuộc về trường phái áp dụng lý thuyết kiến tạo trong học tập. Trên lớp học ngoại ngữ, người học thực hiện các hoạt động sử dụng ngoại ngữ đơn giản như chơi trò chơi, thực hiện một nhiệm vụ. Người ta không dạy ngôn ngữ sử dụng cho người học trước, mặc dù kết quả của các hoạt động tập trung vào dạy ngôn ngữ. ĐG được coi là công cụ dạy học khi mục đích là tổng kết và xây dựng dựa trên các hoạt động học tập trước đó, đây chính là động lực cho việc học tập sâu hơn trong tương lai. Nhiều phương pháp, kỹ thuật, công cụ ĐG khác nhau được sử dụng nhằm phục vụ cho việc học tập của người học. Theo tiếp cận *dạy học dựa trên kỹ năng*, kỹ năng được coi là tích hợp các hành vi của SV học được thông qua học tập ngoại ngữ. Các hành vi của SV bao gồm các cấu phần riêng biệt có thể được học tập độc lập hoặc học tập phối hợp với nhau để hình thành những thể hiện của người có kỹ năng. Những thể hiện thành công trong sử dụng ngoại ngữ của SV phụ thuộc nhiều vào quá trình luyện tập bởi lẽ luyện tập cung cấp cho SV nhiều cơ hội được sử dụng ngoại ngữ và có được những phản hồi xác thực, tức thời nhằm giúp họ cải thiện dần những thể hiện của mình trong quá trình học tập. Các lý thuyết này sẽ chi phối việc lựa chọn thiết kế ĐG; lựa chọn dữ liệu đầu vào trong ĐG; các hoạt động ĐG...

Theo tác giả, ĐG KQHT ngoại ngữ du lịch theo TCNL được thực hiện thông qua việc thu thập bằng chứng để chứng minh SV thực hiện hoặc hành động phù hợp với các tiêu chuẩn cụ thể của nghề và tập trung vào năng lực đầu ra của chương trình đào tạo ở một chuyên ngành/ngành du lịch cụ thể, mặc dù vẫn chú trọng năng lực sử dụng ngoại ngữ. Hoạt động ĐG thường diễn ra trong đời sống xã hội hàng ngày/môi trường nghề nghiệp hoặc mô phỏng đời sống xã hội hàng ngày/môi trường nghề nghiệp và cũng chỉ dùng để xác định có năng lực hay không đủ năng lực. Về bản chất, ĐG trong dạy học NNCN du lịch theo TCNL là cách thức ĐG theo đường hướng giao tiếp thiên về việc thu thập minh chứng thể hiện khả năng áp dụng những gì SV được học trên lớp ngoại ngữ vào các tình huống thực trong cuộc sống bên ngoài lớp học trong sự đối sánh với chuẩn thực hiện được lựa chọn. ĐG trong dạy học NNCN du lịch theo TCNL quan tâm nhiều đến ĐG sinh viên trong các hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ thể hiện ở khả năng hội thoại, khả năng hiểu được những gì nghe, đọc hay nhìn thấy và khả năng trình bày ý tưởng hoặc thông tin. ĐG KQHT trong dạy học NNCN du lịch theo TCNL có những đặc trưng như: (1) *quan tâm tới ĐG các năng lực chung* (NL tự học, NL sáng tạo, NL ứng dụng CNTT-TT, NL tính toán...) *hoặc NL chuyên biệt* (NL “tiếp nhận và xử lý đặt buồng” của riêng nghề Lễ tân, NL “Phục vụ rượu vang” của nghề Nhà hàng...) qua môn ngoại ngữ; (2) *ĐG dựa trên các nhiệm vụ giao tiếp và việc thực hiện nhiệm vụ* (Sử dụng tiếng Anh để tiếp nhận đặt buồng qua điện thoại ở quầy

Lễ tân, viết thư bằng tiếng Anh để giới thiệu về dịch vụ của nhà hàng...); (3) *những yêu cầu về kết quả ĐG được xác định trước và SV được biết trước*; (4) *việc ĐG diễn ra thường xuyên trong quá trình học*; (5) *ĐG dựa trên những thể hiện thực tế của NL sử dụng ngoại ngữ đã được xác định*; (6) *quan tâm nhiều hơn tới các*

phương pháp, kỹ thuật ĐG tích hợp, các phương pháp ĐG xác thực và vai trò tự ĐG của SV.

Có thể tổng hợp một số dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa ĐG KQHT truyền thống và ĐG KQHT theo TCNL (hiện đại) trong đào tạo NNCN du lịch như trong Bảng 1.1:

Bảng 1.1. Bảng so sánh ĐG KQHT truyền thống và theo TCNL trong dạy học NNCN du lịch

Truyền thống	Theo TCNL/hiện đại
- Sử dụng bài kiểm tra, thi chuẩn hóa tại một thời điểm	- Công cụ ĐG liên tục trong thời gian dài
- Sử dụng các câu hỏi nhiều lựa chọn, hạn chế thời gian	- Sử dụng câu hỏi/nhiệm vụ/bài tập mở, không hạn chế thời gian
- Các câu hỏi trong bài kiểm tra, thi không được ngữ cảnh hóa	- Các nhiệm vụ giao tiếp được ngữ cảnh hóa
- Phản hồi bằng điểm số	- Phản hồi và tác động tới từng cá nhân
- Điểm số được tham chiếu dựa vào chuẩn tương đối/chuẩn mực (norm)	- Điểm số được tham chiếu theo tiêu chí (criterion)
- Chú trọng câu trả lời đúng	- Các câu trả lời mở, sáng tạo
- Quan tâm đánh giá tổng kết	- Quan tâm đánh giá thường xuyên
- Quan tâm tới sản phẩm	- Quan tâm tới quá trình
- Thể hiện không có sự tương tác của SV/thí sinh	- Thể hiện có sự tương tác của SV/thí sinh
- Tăng cường động lực từ phía bên ngoài	- Tăng cường động lực từ phía cá nhân SV

Qua sự so sánh trên, trong dạy và học NNCN du lịch, ĐG KQHT của SV theo TCNL là một tiếp cận phù hợp và cần thiết hiện nay với các cơ sở đào tạo về du lịch, đặc biệt ở các trường CĐDL trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Mặc dù các môn NNCN hiện hành của các trường CĐDL được triển khai theo các mạch nội dung của chương trình, nhưng

khí tiến hành ĐG, bên cạnh việc tổ chức ĐG theo chuẩn nội dung (ĐG KQHT truyền thống) để xác định mức năng lực NNCN du lịch của SV, các trường vẫn có thể kết hợp các nội dung ĐG theo mục tiêu phát triển các NL của SV qua hoạt động ĐG KQHT trong quá trình dạy học NNCN du lịch.

2.3. Đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ chuyên ngành của sinh viên cao đẳng du lịch theo tiếp cận năng lực

2.3.1. Cải tiến mục đích đánh giá

Hoạt động ĐG trong dạy học NNCN cho sinh viên CĐDL trước đây lấy mục tiêu ĐG thành tích học tập (Assessment of learning) làm chính. Hiện nay, cần phải lấy ĐG để phát triển học tập (Assessment for learning) và ĐG như một hoạt động học tập (Assessment as learning) làm chính, còn đánh giá thành tích học tập là thứ yếu. *ĐG để phát triển học tập (Assessment for learning)* còn có nghĩa là sự ĐG diễn ra trong suốt quá trình dạy học, giúp SV so sánh, phát hiện mình thay đổi thế nào trên con đường đạt mục tiêu học tập của cá nhân đã đặt ra hoặc theo chuẩn đầu ra đã quy định. *ĐG như một hoạt động học tập (Assessment as learning)* là quá trình ĐG có sự tham gia của SV vào giám sát việc học tập và suy ngẫm về khả năng của mình. Theo tác giả, ĐG như một hoạt động học tập có thể hiểu là tự ĐG (self-assessment) của SV. *ĐG thành tích học tập (Assessment of learning)* nhằm hỗ trợ GV đo lường trình độ của SV so với mục tiêu học tập/chuẩn đầu ra và để chuẩn bị cho trình độ học tập cao hơn.

2.3.2. Đổi mới nội dung đánh giá theo năng lực sinh viên

Điểm cốt lõi của kết quả dạy học NNCN cho sinh viên CĐDL ở Việt Nam hiện nay là hướng mục đích vào giúp SV giao tiếp được bằng ngoại ngữ, thể hiện ở khả năng hội thoại, khả năng hiểu được những gì nghe, đọc hay nhìn thấy và khả năng trình bày ý tưởng hoặc thông tin

trong một bối cảnh giao tiếp nghề nghiệp cụ thể thuộc lĩnh vực du lịch hoặc thực hiện một chức năng đã xác định. Để đạt được các mục đích giao tiếp hoặc thực hiện thành công một chức năng nhất định bằng ngoại ngữ, SV cần có NL sử dụng ngôn ngữ (ngoại ngữ). *NL sử dụng ngôn ngữ (ngoại ngữ)* bao gồm NL tiếp nhận/cảm thụ, NL tương tác/hội thoại và NL sản sinh/sáng tạo trong hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ. NL sử dụng ngôn ngữ chủ yếu được thể hiện qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ngoại ngữ. Để phát triển các NL sử dụng ngôn ngữ (ngoại ngữ), SV cũng cần có *NL hỗ trợ cần thiết như*: NL ngôn ngữ (ngoại ngữ), NL chiến lược (ngoại ngữ) đối với ngoại ngữ tổng quát và thêm NL chuyên môn du lịch đối với NNCN cùng với một số NL chung, NL chuyên biệt của các môn học khác.

Vì vậy, nội dung/mục tiêu ĐG KQHT các môn NNCN của sinh viên CĐDL trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực người học và hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN hiện nay cần được xác lập dựa trên điểm tựa là chương trình giảng dạy của mỗi môn NNCN du lịch cụ thể, ứng dụng Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và khung nghề du lịch ASEAN để xác định năng lực cần hướng tới, các tiêu chí thể hiện của các năng lực tương ứng với từng chủ điểm/chủ đề trong từng chương trình môn học.

2.3.3. Đa dạng hóa các hình thức đánh giá

Trong quá trình dạy học NNCN du lịch, các cơ sở đào tạo có thể sử dụng kết hợp

các hình thức ĐG sau: ĐG chẩn đoán, ĐG thường xuyên, ĐG kết thúc/tổng kết, ĐG theo tiêu chí và ĐG theo chuẩn.

1) *Đánh giá chẩn đoán* là hình thức ĐG được triển khai khi năm học mới, kỳ học mới bắt đầu, trong một số ngày hoặc những tuần đầu tiên và suốt cả năm học khi GV bắt đầu những đơn vị giảng dạy mới (chủ đề/bài học hoặc chủ điểm/chương).

2) *Đánh giá thường xuyên* là hình thức ĐG diễn ra sau mỗi bài học, phần học do GV trực tiếp giảng dạy tiến hành nhằm ĐG mức độ của kiến thức, kỹ năng, NL, thái độ cụ thể mà SV cần đạt được ở từng bài, từng phần học; phát hiện kịp thời những sai lệch trong quá trình dạy học để GV, SV điều chỉnh, tự điều chỉnh.

3) *Đánh giá kết thúc/tổng kết* là hình thức ĐG, bao gồm ĐG định kỳ và đánh giá tổng kết, được triển khai sau một thời lượng giảng dạy được xác định trước vào một thời điểm trong học kỳ, giữa học kỳ, cuối học kỳ, cuối năm học, cuối khóa học.

4) *Đánh giá theo chuẩn* là hình thức ĐG được thiết kế và triển khai, thông thường qua các bài kiểm tra, thi nhằm đo lường mức độ sử dụng ngoại ngữ của một SV hoặc nhóm SV cụ thể so sánh với mức độ sử dụng ngoại ngữ của một SV hay nhóm SV khác mà có điểm số thể hiện KQHT được dùng làm chuẩn.

5) *Đánh giá theo tiêu chí* là hình thức ĐG được sử dụng dưới dạng các bài kiểm tra, thi nhằm đo lường NL sử dụng kiến thức, kỹ năng hay NL sử dụng ngôn ngữ của SV theo những tiêu chí đã được thống nhất hoặc theo những chuẩn mực nhất định.

2.3.4. *Sử dụng phối hợp các phương pháp, công cụ đánh giá*

1) *Phương pháp ĐG truyền thống* thường được đề cập đến trong ĐG chủ yếu sử dụng các bài kiểm tra, thi trên giấy gồm các câu hỏi dạng lựa chọn câu trả lời (ví dụ: câu hỏi đúng sai, câu hỏi đối chiếu, câu hỏi đa lựa chọn) hoặc các câu hỏi dạng xây dựng câu trả lời (ví dụ: câu hỏi điền vào chỗ trống, câu hỏi viết câu trả lời ngắn, câu hỏi tự luận). Các phương pháp ĐG truyền thống thường liên quan đến chuẩn nội dung (content standards).

2) *Đánh giá thực/xác thực* là phương pháp ĐG trực tiếp trong đó SV được yêu cầu thực hiện những nhiệm vụ thực sự diễn ra trong cuộc sống (có thể mô phỏng những nhiệm vụ đó trong nhà trường) đòi hỏi phải vận dụng một cách tích hợp kiến thức, kỹ năng và các NL cần thiết với một thái độ nhất định phù hợp với những đặc điểm của bản thân SV và điều kiện nhất định trong một bối cảnh cụ thể. ĐG thực thường gắn liền với chuẩn thực hiện (performance standards). Một số phương pháp ĐG thực được sử dụng phổ biến trong dạy học ngoại ngữ: ĐG thực hiện hay còn ĐG qua hoạt động giao tiếp, ĐG qua hồ sơ học tập, SV tự ĐG, ĐG đồng đẳng, ĐG qua nhật ký, ĐG qua hợp giữa GV và SV, ĐG theo dự án .v.v..

3) *Các công cụ ĐG (assessment tools)* hay còn gọi là công cụ thu thập bằng chứng thực hiện/thông tin, thường phản ánh bản chất của phương pháp ĐG (assessment methods) được sử dụng. Công cụ ĐG KQHT ngoại ngữ chuyên ngành của sinh viên CĐDL phổ biến là: bài kiểm

tra, thi (test); phiếu đánh giá (checklist) và bảng kiểm (rubric).

3. Kết luận và kiến nghị

Trong quá trình dạy học NNCN cho sinh viên CDDL, ĐG là khâu quan trọng, có mối quan hệ với các khâu khác nhằm thực hiện mục tiêu/chuẩn đầu ra của môn học. Để đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học NNCN du lịch hiệu quả, các trường CDDL cần lấy đổi mới ĐG làm khâu đột phá. Đổi mới ĐG giúp GV đánh giá đúng KQHT của SV và hiệu quả giảng dạy của mình để điều chỉnh việc dạy học, góp phần phát triển các NL của SV, giáo dục thái độ tình cảm đúng đắn, đạo đức nghề nghiệp cho SV, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức đào tạo theo hướng chú trọng tới NL, phẩm chất của SV, tích cực hóa hoạt động học tập của SV. ĐG KQHT ngoại ngữ du lịch của SV cao đẳng theo TCNL tại Việt Nam thực chất là hoạt động hết sức mới mẻ và phức tạp, cần có nhiều nghiên cứu và sự phối hợp tham gia nghiên cứu của các nhà quản lý, các nhà khoa học giáo dục, nhà ngôn ngữ học, các chuyên gia nghề du lịch.

Để triển khai hiệu quả phương thức/mô hình ĐG KQHT ngoại ngữ chuyên ngành của sinh viên CDDL theo TCNL trong thực tiễn: (1) Bộ văn hoá, Thể thao và Du lịch cần chú trọng công tác khảo thí ngoại ngữ theo chuẩn năng lực đầu ra tích hợp khi triển khai Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong các trường Văn hoá, Thể dục thể thao và Du lịch trực thuộc Bộ giai đoạn 2015-2020” thông qua tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức hiệu quả các hội thảo, khóa bồi dưỡng chuyên đề về kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ theo năng lực người học; triển

khai mô hình ĐG ngoại ngữ du lịch tích hợp chuyên ngành và ngôn ngữ thống nhất trong cả nước tương thích với khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam/Khung tham chiếu chung châu Âu và tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN theo hướng đảm bảo chất lượng đầu ra năng lực hành nghề của người học; thành lập trung tâm hoặc hệ thống khảo thí ngoại ngữ du lịch độc lập hiện đại ứng dụng công nghệ máy tính và công nghệ mạng Internet, đáp ứng tốt được yêu cầu của một trung tâm ủy quyền của Trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc gia trong tương lai để nghiên cứu khoa học chuyên sâu, tổ chức ĐG NLNNCN du lịch của những người học theo học về du lịch trong các cơ sở đào tạo và những người hành nghề du lịch ở Việt Nam. (2) Các cơ sở đào tạo về du lịch cần chủ động đổi mới dạy học NNCN du lịch theo TCNL và tăng cường nguồn lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với mô hình ĐG trong dạy học ngoại ngữ tích hợp chuyên ngành và ngôn ngữ, theo hướng ĐG năng lực người học; đặc biệt các trường cần chú trọng bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực đo lường ĐG NLNNCN du lịch tích hợp cho cán bộ quản lý, GV và SV tham gia vào quá trình ĐG KQHT theo định hướng năng lực hành nghề.

Tác giả hy vọng những nội dung được trình bày trong bài viết này sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho các trường CDDL trong việc triển khai ứng dụng vào đổi mới hoạt động ĐG KQHT các môn NNCN và đổi mới công tác đào tạo ngoại ngữ theo hướng hỗ trợ sinh viên CDDL đáp ứng tốt các chuẩn quốc gia của Việt Nam và chuẩn nghề du lịch ASEAN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN-Association of Southeast Asian Nations, *ASEAN Mutual Recognition Arrangement (MRA) on Tourism Professionals – Handbook*, 2013. http://www.asean.org/storage/images/2013/economic/handbook%20mra%20tourism_opt.pdf
2. Bachman, L.F. and Palmer, A.S., *Language Assessment in Practice*, Oxford University Press, 2010.
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng, *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, 2013.
4. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, *Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong các trường Văn hoá, Nghệ thuật, Thể dục thể thao và Du lịch trực thuộc Bộ giai đoạn 2015-2020*, Ban hành theo Quyết định số 4059/QĐ-BVHTTDL ngày 12/12/2014.
5. Lê Đình Chung – Phan Thanh Hội, *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2016.
6. Council of Europe, *Common European framework of reference for languages: Learning, teaching, assessment*, 2001: www.coe.int/t/dg4/linguistic/Source/Framework_EN.pdf
7. Vi Văn Đính, *Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Pháp ngoại ngữ*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2012.
8. Douglas, D., *Assessing Language for Specific Purposes*, Cambridge University Press, 2000.
9. Nguyễn Công Khanh – Chủ biên, *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2015.
10. Knuntson, S., *Experiential learning in Second-language classroom*, *TESL Canada Journal/Revue du Canada* Vol.20, No.2, Spring 2003.
11. Kolb, D.A., *Experiential learning: experience as the source of learning and development*, Prince-Hall, Inc, Englewood Cliffs, New Jersey 07632, 1984.
12. Richards, J., Theodore, R., *Approaches and methods in language teaching – Third edition*, Cambridge University Press, 2014.
13. Singapore Workforce Skills Qualifications, *Interpretation of WSQ competency standards for training and assessment*, http://www.wda.gov.sg/content/dam/wda/pdf/L325B/Competency_Standards_for_Training_and_Assessment.pdf
14. Tedick, D., *Proficiency-oriented language instruction and assessment*, 2006: http://www.carla.umn.edu/articulation/polia/pdf_files/standards.pdf
15. Hoàng Văn Thái, “Dạy học ngoại ngữ chuyên ngành du lịch”, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, Số 6/2015.
16. Hoàng Văn Thái, “Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong đào tạo ngoại ngữ nghề nghiệp theo định hướng phát triển năng lực”, *Tạp chí Giáo dục* số 373, 2016.
17. Thornburry, S., *An A-Z of ELT: A dictionary of terms and concepts*, Macmillan Education, 2006.
18. Nguyễn Đức Trí, *Giáo dục học nghề nghiệp*, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2011.

(Toà soạn nhận bài viết ngày 30/5/2016, duyệt đăng ngày 10/9/2016)